

Số: 71/2022/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế công lập
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế; số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 quy định chi tiết và

hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 22/2020/TT-BYT ngày 02 tháng 12 năm 2020 quy định về quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thể bảo hiểm y tế; số 27/2018/TT-BYT ngày 26 tháng 10 năm 2018 hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến HIV/AIDS;

Xét Tờ trình số 256/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 262/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Y tế, các cơ sở y tế công lập;

b) Các cơ sở y tế công lập;

c) Người nhiễm HIV/AIDS thuộc đối tượng quản lý tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chưa có thể bảo hiểm y tế, trừ người thuộc nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

d) Người nhiễm HIV/AIDS có thể bảo hiểm y tế được hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc ARV là những người nhiễm HIV/AIDS tham gia điều trị

ARV tại các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh, trừ phạm nhân nhiễm HIV/AIDS tại trại tạm giam, trại giam;

d) Người bệnh tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo;

e) Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả, theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

2. Trường hợp đối tượng thuộc nhiều nội dung của một chính sách hỗ trợ thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ thêm ngoài lương và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế công lập

1. Chính sách hỗ trợ thêm ngoài lương (tiền ăn, tiền xăng xe, tiền điện thoại):

a) Mức 2.000.000 đồng/người/tháng đối với:

- Bác sỹ, dược sỹ đại học công tác trong các cơ quan quản lý nhà nước về y tế, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần;

- Bác sỹ làm việc thường xuyên, liên tục trong lĩnh vực: Truyền nhiễm, cấp cứu, hồi sức cấp cứu, giải phẫu bệnh thuộc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Giám định viên Pháp y;

- Bác sỹ công tác tại: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; lĩnh vực y tế dự phòng thuộc các trung tâm Y tế huyện, thành phố, thị xã.

b) Mức 750.000 đồng/người/tháng đối với bác sỹ công tác lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc trung tâm Y tế/bệnh viện đa khoa huyện, thành phố, thị xã;

c) Mức 1.500.000 đồng/người/tháng đối với bác sỹ công tác tại trạm Y tế xã, phường, thị trấn thuộc các trung tâm Y tế huyện, thành phố, thị xã.

Đối tượng là nữ được hưởng thêm 05% (năm phần trăm) mức hỗ trợ được quy định tại Khoản này.

2. Chính sách hỗ trợ đào tạo ngắn hạn nâng cao trình độ chuyên môn y

a) Bác sỹ công tác tại các cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh, tuyến huyện theo phân cấp quản lý được Sở Nội vụ ban hành quyết định cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn y thời gian từ 03 tháng đến 12 tháng học tập trung tại các trường đại học trong nước, các cơ sở y tế tuyến Trung ương, được hỗ trợ 50% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá:

- 5.000.000 đồng/người/khóa học có thời gian từ 03 tháng đến dưới 6 tháng;

- 10.000.000 đồng/người/khóa học có thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng.

b) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần ngay sau khi hoàn thành khóa học và có văn bằng hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận.

Các đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thực hiện quy định về đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện quy chế đào tạo và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học; thực hiện quy định về đền bù chi phí đào tạo áp dụng theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác.

3. Chính sách hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến xã

a) Bố trí kinh phí hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến xã, tối thiểu toàn tỉnh 50 tỷ đồng/năm (ưu tiên đầu tư chống xuống cấp cơ sở vật chất);

b) Hỗ trợ 50% kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin nhưng tối đa không quá:

- 500.000 đồng/giường bệnh kế hoạch/năm đối với bệnh viện/trung tâm y tế có giường bệnh (không tính bao gồm giường bệnh tại trạm y tế);

- 6.000.000 đồng/trạm y tế/năm.

Điều 4. Chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế

1. Chính sách hỗ trợ công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi

a) Hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ:

Người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP nếu có tuổi thấp hơn tối đa 2 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 1 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019 và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ hai mươi năm trở lên, ngoài chính sách được hưởng theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP được tinh hỗ trợ như sau:

- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

- Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

b) Hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: Người không thuộc đối tượng tính giảm biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP), nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019), ngoài chính sách quy định còn được tính hỗ trợ như sau:

- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

- Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương;

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019).

c) Cách tính hỗ trợ:

- Thời gian tính hỗ trợ: Là thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần. Nếu thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Dưới 03 tháng thì không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm;

- Tiền lương tính hỗ trợ: Tiền lương tháng để tính chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b khoản này được tính bằng bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của 05 năm cuối (60 tháng) trước thời điểm tính giảm.

2. Nhóm đối tượng được hỗ trợ đào tạo lại

Công chức, viên chức thuộc diện dôi dư được rà soát theo vị trí việc làm, xem xét cử đi đào tạo lại để bố trí việc làm phù hợp. Điều kiện đào tạo lại: Công chức, viên chức không quá 40 tuổi tính từ thời điểm cử đi đào tạo, được cơ quan, đơn vị xem xét cử đi đào tạo lại. Quyền lợi và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Quyền lợi: Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

b) Được hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo và tiền mua tài liệu bắt buộc theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Được hỗ trợ chi phí đi lại theo giá xe khách tại thời điểm đi học, có khoảng cách từ cơ quan đến nơi học tập từ 25 km trở lên, mỗi năm đi học được hỗ trợ 02 lượt đi và về.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế và hỗ trợ cùng chi trả thuốc kháng vi rút HIV (thuốc ARV) cho người nhiễm HIV/AIDS

Hỗ trợ 100% mức đóng thẻ bảo hiểm y tế và 100% chi phí cùng chi trả thuốc ARV cho các đối tượng quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ đối với người bệnh tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo

Người bệnh Tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo được hỗ trợ tiền ăn tương đương 3% mức lương cơ sở/người bệnh/ngày.

Điều 7. Hồ sơ, quy trình thực hiện chính sách (có Phụ lục kèm theo).

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện phù hợp với khả năng cân đối và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 9. Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 144/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 về một số cơ chế, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 178/2019/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2019 về quy định mức hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm cho người nhiễm HIV/AIDS chưa có thẻ bảo hiểm y tế và mức hỗ trợ chi phí cùng chi trả thuốc ARV cho người nhiễm HIV/AIDS giai đoạn 2020 - 2025 và những năm tiếp theo tại tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bãi bỏ Điều 5 Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Điều 11. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH**Hoàng Trung Dũng**

PHỤ LỤC
HỒ SƠ, QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên chính sách	Hồ sơ đề nghị	Quy trình thực hiện
1	Chính sách hỗ trợ thêm ngoài lương (tiền ăn, tiền xăng xe, tiền điện thoại), quy định tại khoản 1 Điều 3	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách; - Danh sách phê duyệt quỹ tiền lương của năm trước liền kề năm đề nghị hỗ trợ. Nếu đơn vị có đối tượng được hưởng tăng hoặc giảm thì kèm theo quyết định chuyển chuyển, tiếp nhận, tuyển dụng, nghỉ hưu... 	<p>Hàng năm, các đơn vị gửi văn bản kèm theo danh sách và hồ sơ số đối tượng được hưởng chính sách về Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước ngày 15/01. Trên cơ sở danh sách đã được phê duyệt, các đơn vị căn cứ vào mức hỗ trợ của từng đối tượng, chịu trách nhiệm chi trả chế độ định kỳ hàng tháng, quý theo quy định hiện hành.</p> <p>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo gửi tới các đơn vị nêu rõ lý do.</p>
2	Chính sách hỗ trợ đào tạo ngắn hạn nâng cao trình độ chuyên môn y, quy định tại khoản 2 Điều 3	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị; - Hồ sơ công chức, viên chức; + Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí; + Bản sao Quyết định cử đi học của Sở Nội vụ + Bản sao các văn bằng hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận ... + Bản sao Biên lai thu tiền (hoặc phiếu thu) của cơ sở đào tạo. <p>Khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để người tiếp nhận đối chiếu, xác nhận bản sao.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi hoàn thành khóa đào tạo có văn bằng hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận; các đơn vị gửi hồ sơ về Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc; Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định gửi Sở Tài chính. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo gửi tới các đơn vị nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. - Sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí theo quy định. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được kinh phí thực hiện cấp về cho đơn vị. Đơn vị căn cứ vào kinh phí được cấp trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc thanh quyết toán theo quy định hiện hành.
3	Chính sách hỗ trợ	Hàng năm trên cơ sở được giao Dự toán ngân sách, Sở Y tế chủ trì, phối	

	<i>tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3</i>	hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan khảo sát, kiểm tra, đánh giá hiện trạng; xác định nhu cầu kinh phí thực hiện tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị của các cơ sở y tế công lập trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
4	<i>Chính sách hỗ trợ 50% kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3</i>	Quy trình lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
5	<i>Chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh, quy định tại Điều 4</i>	<p>Các đơn vị lập danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị có đối tượng đề nghị hỗ trợ nộp 03 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo quy định về Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 03 tháng 01 và ngày 03 tháng 07 hàng năm. - Căn cứ vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách của đơn vị, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, tổng hợp gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính; trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, Sở Nội vụ thẩm định đối tượng hỗ trợ gửi Sở Tài chính; trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. <p>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Văn bản thông báo gửi tới đơn vị có đối tượng xin hỗ trợ nêu rõ lý do.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi có Quyết định cấp kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí theo quy định. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được kinh phí thực hiện cấp về cho đơn vị. Đơn vị căn cứ vào kinh phí được cấp trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc thanh quyết toán theo quy định hiện hành.
6	<i>Chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm</i>	Hồ sơ và quy trình thực hiện theo Thông tư số 22/2020/TT-BYT ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý thuốc



	<p>y tế và hỗ trợ cùng chi trả thuốc kháng vi rút HIV (thuốc ARV) cho người nhiễm HIV/AIDS, quy định tại Điều 5</p>	<p>kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thể bảo hiểm y tế và Thông tư số 27/2018/TT-BYT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến HIV/AIDS.</p>	
7	<p>Chính sách hỗ trợ đối với người bệnh tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo, quy định tại Điều 6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị hỗ trợ tiền ăn điều trị nội trú (theo mẫu 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này). - Bản sao giấy ra viện. - Bản sao thẻ Bảo hiểm y tế còn giá trị sử dụng cho đến thời điểm ra viện. Trường hợp không có thẻ Bảo hiểm y tế thì nộp bản sao Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân. <p>Người nhà đối tượng nộp 01 bộ hồ sơ, khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để người tiếp nhận đối chiếu, xác nhận bản sao hoặc nộp hồ sơ (có chứng thực) qua đường bưu điện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người mắc bệnh Tâm thần thuộc diện được hỗ trợ theo quy định này thì nơi tiếp nhận hồ sơ và thực hiện việc hỗ trợ tiền ăn là phòng Kế hoạch - Tài chính, Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh. - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh phải thực hiện việc thanh toán các chi phí hỗ trợ cho đối tượng theo đúng quy định này. <p>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh có văn bản thông báo gửi tới đối tượng hoặc người giám hộ đối tượng được hưởng chính sách nêu rõ lý do.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ, đến ngày 05 tháng đầu quý liền sau, Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh tổng hợp hồ sơ, chứng từ phát sinh của quý trước, trình Sở Y tế để Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí thực hiện.